



BẢN TIN
KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, THUẾ &
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
Phát hành định kỳ hàng tháng

VĂN PHÒNG HÀ NỘI

Số 2, Ngách 26/15 Đường Huy Du, Phường Cầu
Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
ĐT: 024 35568636 * Website : acacvn.com

VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 16, Lô VP-05, Khu đô thị Việt Phát, Phường Vĩnh Niệm,
Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
ĐT: 0225 3736866 * Email : acacvn@acacvn.com



Mã QR



Nội dung	Trang
THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (“GTGT”)	3
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)	4
THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (“TNCN”)	5-7
CÁC LOẠI THUẾ KHÁC	8-12
CÁC VẤN ĐỀ KHÁC	13-15
CÁC VĂN BẢN KHÁC	16

THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)

Chính sách thuế GTGT

Theo **Công văn số 2125/TCT-CS** ngày 20/5/2024 về chính sách thuế GTGT. Trường hợp Công ty A ký hợp đồng cho doanh nghiệp chế xuất thuê đất và cơ sở hạ tầng, doanh nghiệp chế xuất được hưởng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan kể từ thời điểm mục tiêu đầu tư thành lập doanh nghiệp 2 chế xuất được ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP thì cho thuê đất và dịch vụ cho thuê cơ sở hạ tầng (trong phạm vi doanh nghiệp chế xuất) được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC và không thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC. Công văn số 2127/TCT-CS ngày 20/5/2024 chính sách thuế đối với chuyển nhượng chứng chỉ REC.

(1) Về thuế GTGT: Về chính sách thuế GTGT đối với chứng chỉ REC, ngày 23/10/2023, Tổng cục Thuế có công văn số 4665/TCT-CS trả lời Cục Thuế tỉnh Gia Lai về chính sách thuế GTGT đối với chuyển nhượng chứng chỉ REC.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định về giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 của Quốc hội, trường hợp doanh nghiệp chuyển nhượng chứng chỉ REC không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ và việc chuyển nhượng này phù hợp với quy định của pháp luật thì thuộc đối tượng giảm thuế GTGT theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

(2) Về áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%: Căn cứ hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ về điều kiện áp dụng thuế suất 0% đối với hàng hóa xuất khẩu.

Cục Thuế căn cứ quy định của pháp luật nêu trên và hồ sơ, tài liệu về hoạt động chuyển nhượng chứng chỉ REC ra nước ngoài để xem xét, hướng dẫn đơn vị thực hiện. Trường hợp còn phát sinh vướng mắc, Cục Thuế phối hợp với đơn vị thu thập hồ sơ, tài liệu, nghiên cứu đề xuất phương án trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

(3) Về thuế TNDN: Căn cứ quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 19 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định về thuế TNDN, về nguyên tắc trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn thì thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư tại địa bàn ưu đãi đầu tư được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện địa bàn. Theo đó, trường hợp năm 2023, Công ty A có các dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện với mục tiêu xây dựng nhà máy thủy điện, sản xuất điện, đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện địa bàn có phát sinh thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ năng lượng tái tạo (REC) 3 không thuộc thu nhập của dự án đầu tư thì khoản thu nhập này không được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với dự án đầu tư theo quy định.

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)**Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)**

Theo **Công văn số 2133/TCT-CS** ngày 20/5/2024 về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN). Căn cứ các quy định nêu tại công văn, trường hợp Dự án kho bãi Nippon Express Đình Vũ của Công ty TNHH Nippon Express Engineering (Việt Nam) không đáp ứng điều kiện về phân kỳ đầu tư thì không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định về phân kỳ đầu tư quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 91/2014/NĐ-CP và khoản 3 Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC.

Về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư phát triển dự án đầu tư đang hoạt động nhằm mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất (đầu tư mở rộng) thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Luật số 32/2013/QH13.

Nếu trong quá trình hoạt động, công ty bổ sung ngành nghề, hoạt động kinh doanh mang tính chất thương mại mà không tăng vốn, không thực hiện hoạt động đầu tư mở rộng để tăng tài sản thì phần thu nhập từ ngành nghề, hoạt động bổ sung không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)**Tăng cường công tác quản lý thuế TNCN từ đầu tư vốn đối với thu nhập nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu**

Theo Công văn số 1806/TCT-DNNCN ngày 02/5/2024 về tăng cường công tác quản lý thuế TNCN từ đầu tư vốn đối với thu nhập nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Để tăng cường công tác quản lý thuế TNCN đối với thu nhập từ đầu tư vốn, đảm bảo người nộp thuế là cá nhân có thu nhập từ nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và các tổ chức có trách nhiệm khai thuế, nộp thuế thay cho cá nhân xác định rõ nghĩa vụ kê khai, nộp thuế TNCN, Tổng cục Thuế yêu cầu các Cục Thuế thực hiện một số nội dung sau:

(1) Về công tác tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn người nộp thuế: Cần tuyên truyền rõ trách nhiệm phải khai thuế, nộp thuế thay của tổ chức từ 01/01/2023 đối với thu nhập từ đầu tư vốn khi cá nhân chuyển nhượng cổ phiếu cùng loại. Đối với cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản chứng khoán từ ngày 31/12/2022 trở về trước của cá nhân chưa kê khai, chưa được tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay, Cục Thuế hướng dẫn cho các cá nhân khai thuế, nộp thuế và lưu ý các nội dung liên quan đến thời gian được thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 16 Luật Quản lý Thuế.

Tổng cục Thuế đã xây dựng tài liệu hướng dẫn khai, nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ nhận cổ tức bằng cổ phiếu (Phụ lục 01 - Tài liệu tuyên truyền hướng dẫn cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Phụ lục 2 - Tài liệu tuyên truyền hướng dẫn các tổ chức khai thay cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu tại địa chỉ <ftp://ftp.tct.vn/public/VPTCT/DNNCN/TaiLieu2024>). Cục Thuế gửi tài liệu đến các tổ chức khai thay, nộp thay thực hiện nghĩa vụ khai thay, nộp thay theo quy định và đề nghị các tổ chức khai thay, nộp thay phổ biến tài liệu này đến các cá nhân là các cổ đông, các cá nhân có tài khoản giao dịch chứng khoán.

(2) Tổ chức giám sát việc kê khai thay, nộp thay thuế TNCN của các tổ chức khai thay, nộp thay: Đối với các tổ chức khai thay, nộp thay trên địa bàn chưa thực hiện nghĩa vụ khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân, các Cục Thuế thực hiện các biện pháp quản lý thuế theo quy định để rà soát, tiến hành đôn đốc tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay thực hiện nghĩa vụ khai thay, nộp thay thuế TNCN đối với thu nhập từ cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu của cá nhân theo quy định.

(3) Về công tác thanh tra, kiểm tra: Thực hiện nguyên tắc quản lý rủi ro trong quản lý thuế để thực hiện kiểm tra hồ sơ tại trụ sở cơ quan thuế đối với các công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại có 2 hoạt động lưu ký chứng khoán, công ty quản lý quỹ, tổ chức phát hành chứng khoán theo quy định, trường hợp phát hiện rủi ro thì thực hiện thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế theo quy định. Theo đó, trong quá trình thực hiện thanh tra, kiểm tra thuế cần lưu ý kiểm tra việc khai thuế, nộp thuế TNCN thay cho các cá nhân (nhận cổ tức bằng cổ phiếu, nhận thưởng bằng cổ phiếu) và việc kê khai, nộp thuế của các cá nhân

đối với thu nhập từ đầu tư vốn khi các cá nhân này chuyển nhượng cổ phiếu cùng loại theo đúng quy định pháp luật.

Tính thuế thu nhập cá nhân từ nhận thừa kế tài sản

Theo **Công văn số 1673/TCT-DNNCN** ngày 22/4/2024 về tính thuế thu nhập cá nhân từ nhận thừa kế tài sản.

Tại điểm d khoản 9 Điều 2 và điểm d khoản 1 Điều 16 Thông tư số 111/2013/TT BTC hướng dẫn Luật thuế TNCN (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 19 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015) quy định:

“Điều 2. Các khoản thu nhập chịu thuế. Thu nhập từ nhận thừa kế

d) Đối với nhận thừa kế là các tài sản khác phải đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng với cơ quan quản lý Nhà nước như: Ô tô; xe gắn máy, xe mô tô; tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy; thuyền, kể cả du thuyền; tàu bay; súng săn, súng thể thao.

Điều 16. Căn cứ tính thuế từ thừa kế, quà tặng Căn cứ tính thuế đối với thu nhập từ thừa kế, quà tặng là thu nhập tính thuế và thuế suất. Thu nhập tính thuế từ nhận thừa kế, quà tặng là phần giá trị tài sản nhận thừa kế, quà tặng vượt trên 10 triệu đồng mỗi lần nhận. Giá trị tài sản nhận thừa kế, quà tặng được xác định đối với từng trường hợp, cụ thể như sau:

d) Đối với thừa kế, quà tặng là các tài sản khác phải đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng với cơ quan quản lý Nhà nước: giá trị tài sản được xác định trên cơ sở bảng giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại thời điểm cá nhân làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thừa kế, quà tặng”.

.... Tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28/2/2022 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ quy định:

“Điều 3. Giá tính lệ phí trước bạ. Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản đã qua sử dụng quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP Giá tính lệ phí trước bạ là giá trị còn lại tính theo thời gian sử dụng của tài sản. Giá trị còn lại của tài sản bằng giá trị tài sản mới nhân với (x) tỷ lệ phần trăm chất lượng còn lại của tài sản.

Trong đó:

a) Giá trị tài sản mới xác định theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP và khoản 2 Điều này. ...

b) Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của tài sản trước bạ được xác định như sau: Thời gian đã sử dụng Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của tài sản trước bạ Tài sản mới 100% Trong 1 năm 90% Từ trên 1 đến 3 năm 70% Từ trên 3 đến 6 năm 50% Từ trên 6 đến 10 năm 30% Trên 10 năm 20% Thời gian sử dụng của tài sản được tính từ năm sản xuất đến năm kê khai lệ phí trước bạ. Trường hợp không xác định được năm sản xuất thì thời gian sử dụng của tài sản được tính từ năm bắt đầu đưa tài sản vào sử dụng đến năm kê khai lệ phí trước bạ.

Trường hợp tài sản nhận thừa kế là tàu thuyền mới chưa qua sử dụng thì giá trị tài sản để tính thuế thu nhập cá nhân là giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/1/2022 của Chính phủ quy định và hướng dẫn về lệ phí trước bạ. Trường hợp tài sản nhận thừa kế là tàu thuyền đã qua sử dụng thì giá trị tài sản để tính thuế thu nhập cá nhân được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều

7 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/1/2022 của Chính phủ quy định và hướng dẫn về lệ phí trước bạ và khoản 3 Điều 3 Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28/2/2022 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ.

CÁC LOẠI THUẾ KHÁC

Chính sách thuế nhà thầu

Theo **Công văn số 2130/TCT-CS** ngày 20/5/2024 về chính sách thuế nhà thầu Liên quan đến dự án Thu gom và xử lý nước thải thành phố Bà Rịa, Tổng cục Thuế đã có công văn số 1317/TCT-CS ngày 10/04/2017 trả lời UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Cục thuế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Công ty TNHH MTV thoát nước & PTĐT Bà Rịa-Vũng Tàu và Văn phòng Hợp tác Thụy Sĩ tại Việt Nam (công văn photo kèm theo).

Trên cơ sở ý kiến của Đại sứ quán Thụy Sĩ, ngày 31/10/2018, Bộ Tài chính đã có công văn số 1243/BTC-TCT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về thuế TNDN đối với nhà thầu nước ngoài của dự án ODA do Thụy Sĩ tài trợ.

Trích công văn số 1317/TCT-CS ngày 10/4/2017 về nghĩa vụ thuế của Nhà thầu nước ngoài liên quan đến dự án ODA. Căn cứ Điều 6.11 Hiệp định Hợp tác phát triển giữa Chính Phủ Việt Nam và Chính Thụy Sĩ ký ngày 24/7/2002 (Hiệp định khung) quy định: “Việt Nam sẽ miễn cho các Cơ quan thực hiện độc lập từ Thụy Sĩ và từ nước thứ 3 được giao nhiệm vụ thực hiện Dự án mọi khoản thuế thu nhập, thuế lợi nhuận và thuế tài sản hoặc/và các loại thuế đối với thù lao và các khoản thu được từ thỏa thuận Dự án phù hợp với Hiệp định “Tránh đánh thuế hai lần đối với thuế đánh vào thu nhập và tài sản” giữa Thụy Sĩ và Việt Nam ký kết vào ngày 6/5/1996 và/hoặc bất kỳ Hiệp định thuế nào ký kết giữa Việt Nam và Quốc gia thứ ba liên quan.

Trường hợp Việt Nam và Quốc gia thứ ba liên quan chưa ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, tình huống này sẽ được xử lý theo các quy định pháp luật thuế hiện hành tại Việt Nam.”

* Căn cứ Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Thụy Sĩ và Việt Nam ký kết vào ngày 6/5/1996, đơn vị tư vấn là Nhà thầu nước ngoài Thụy Sĩ, không hiện diện tại Việt Nam nhưng có văn phòng đại diện tại Việt Nam thực hiện công việc trao đổi, hợp hành của Ban chỉ đạo (Ban chỉ đạo gồm có các đại diện của Ủy ban Nhân dân, Sở Kế hoạch và Đầu tư và đại diện Công ty thoát nước và phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu) thì đã tạo nên cơ sở thường trú. Căn cứ theo Điều 5 của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì Nhà thầu Thụy Sĩ có trách nhiệm nộp thuế Nhà thầu cung cấp dịch vụ cho Dự án tại Việt Nam. * Căn cứ theo quy định tại Hiệp định khung, Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Thụy Sĩ; ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ý kiến của Bộ Tư pháp nêu trên thì Nhà thầu nước ngoài thực hiện dự án phải có nghĩa vụ nộp thuế TNDN đối với phần thu nhập phát sinh tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về thuế TNDN.

Khung giá tính thuế tài nguyên

Ngày 20/5/2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành **Thông tư 41/2024/TT-BTC** sửa đổi Thông tư 44/2017/TT-BTC quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau và Thông tư 152/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế tài nguyên.

Thông tư 41/2024/TT-BTC nói trên sửa đổi, bổ sung các trường hợp điều chỉnh, bổ sung giá tính thuế tài nguyên như sau: Quy định về điều chỉnh, bổ sung khung giá tính thuế tài nguyên tại Điều 6 Thông tư 44/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung:

Cụ thể, các trường hợp điều chỉnh, bổ sung khung giá tính thuế tài nguyên bao gồm:

- Giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động giảm trên 20% so với mức giá tối thiểu của Khung giá tính thuế tài nguyên;

- Giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động tăng trên 20% so với mức giá tối đa của Khung giá tính thuế tài nguyên;

- Phát sinh loại tài nguyên mới chưa được quy định trong Khung giá tính thuế tài nguyên. Trường hợp giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động giảm trên 20% so với mức giá tối thiểu của Khung giá tính thuế tài nguyên, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản về Bộ Tài chính để cung cấp thông tin kèm theo đề xuất, hồ sơ và phương án thuyết minh cụ thể làm cơ sở xem xét việc điều chỉnh Khung giá tính thuế tài nguyên.

UBND cấp tỉnh chỉ ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên hoặc văn bản quy định điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên sau khi Bộ Tài chính điều chỉnh Khung giá tính thuế tài nguyên.

Trường hợp giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động thấp hơn nhưng không quá 20% so với mức giá tối thiểu hoặc cao hơn nhưng không quá 20% so với mức giá tối đa của Khung giá tính thuế tài nguyên, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xác định và trình UBND cấp tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên hoặc văn bản quy định điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên.

Trường hợp giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động tăng trên 20% so với mức giá tối đa của Khung giá tính thuế tài nguyên, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xác định và trình UBND cấp tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên hoặc văn bản quy định điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên.

Sau khi ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên hoặc văn bản quy định điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản về Bộ Tài chính để cung cấp thông tin kèm theo đề xuất, hồ sơ và phương án thuyết minh cụ thể làm cơ sở xem xét việc điều chỉnh Khung giá tính thuế tài nguyên.

Trường hợp phát sinh loại tài nguyên mới chưa được quy định trong Khung giá tính thuế tài nguyên, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan căn cứ giá giao dịch phổ biến trên thị trường hoặc giá bán tài nguyên đó trên thị trường xác định và trình UBND cấp tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên hoặc văn bản quy định bổ sung Bảng giá tính thuế đối với loại tài nguyên này. Sau khi ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên hoặc văn bản quy định bổ sung Bảng giá tính thuế tài nguyên, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản về Bộ Tài chính để cung cấp thông tin kèm theo đề xuất, hồ sơ và phương án thuyết

minh cụ thể làm cơ sở xem xét việc bổ sung Khung giá tính thuế tài nguyên. Thông tư 41/2024/TT-BTC có hiệu lực thi hành ngày 15/7/2024

Miễn, giảm tiền sử dụng đất

Theo **Công văn số 1976/TCT-CS** ngày 10/5/2024 về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với Dự án mở rộng Liên quan đến hướng dẫn về miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với Dự án mở rộng Cơ sở 1 — Trường cao đẳng Quảng Ngãi, Bộ Tài chính đã có công văn số 4661/BTC-QLCS ngày 06/5/2024 trả lời Trường cao đẳng Quảng Ngãi (bản photocopy công văn số 4661/BTC-QLCS ngày 06/5/2024 của Bộ Tài chính kèm theo).

Trích dẫn công văn số 4661/BTC-QLCS nêu trên Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa đã được Nhà nước giao đất mà được miễn tiền hoặc giảm tiền sử dụng đất và đã nộp phần tiền sử dụng đất không được giảm (nếu có) theo quy định của pháp luật về khuyến khích xã hội hóa trước ngày Nghị định số 59/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 01/8/2014) thì được tiếp tục sử dụng đất theo thời hạn sử dụng đất còn lại mà không phải chuyển sang thuê đất;

Trường hợp chuyển sang thuê đất thì không phải nộp tiền thuê đất trong thời hạn đã được giao đất theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Trường hợp Trường cao đẳng Kỹ thuật — Công nghiệp Quảng Ngãi (nay là Trường cao đẳng Quảng Ngãi) được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giao đất có thu tiền sử dụng đất theo Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 29/4/2014 để thực hiện Dự án mở rộng Cơ sở I của trường nhưng đến ngày 07/12/2023 trường mới nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất theo chính sách khuyến khích xã hội hóa thì pháp luật chưa có quy định chuyển tiếp về xử lý miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với trường hợp này.

Luật Đất đai năm 2013 quy định sử dụng đất vào mục đích phi nông nghiệp không phải là đất ở (trong đó có mục đích xây dựng dự án xã hội hóa) thuộc đối tượng được nhà nước cho thuê đất (không còn hình thức nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất như trước đây).

Vì vậy, pháp luật về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và pháp luật về khuyến khích xã hội hóa theo Luật Đất đai năm 2013 chỉ có quy định về thu tiền thuê đất và miễn giảm tiền thuê đất đối với đất xây dựng dự án xã hội hóa (không có quy định về thu tiền sử dụng đất và miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với loại đất này).

Vì vậy, đề nghị Trường cao đẳng Quảng Ngãi liên hệ với cơ quan chức năng tại địa phương (cơ quan tài nguyên và môi trường) để căn cứ quy định của pháp luật và hồ sơ cụ thể xem xét việc giao đất, cho thuê đất, hình thức sử dụng đất của dự án cho phù hợp để có căn cứ áp dụng việc xác định nghĩa vụ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án cho phù hợp, theo đúng thẩm quyền được giao. Vương mắc liên quan đến “giao đất” và “cho thuê đất” thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan Tài nguyên và Môi trường. Vì vậy, đề nghị Trường cao đẳng Quảng Ngãi liên hệ với cơ quan tài nguyên và môi trường, tại địa phương để được xem xét giải quyết theo thẩm quyền; trường hợp còn vướng mắc về chính sách thì có văn bản gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn.

Lệ phí trước bạ đối với phương tiện không có giấy tờ chuyển quyền sở hữu xe

Theo **Công văn số 1978/TCT- CS** ngày 10/5/2024 về lệ phí trước bạ đối với phương tiện không có giấy tờ chuyển quyền sở hữu xe. Cơ quan công an chịu trách nhiệm về hồ sơ pháp lý của phương tiện và chủ phương tiện, tiếp nhận và thu hồi Giấy đăng ký xe, lưu giữ hồ sơ pháp lý của xe đồng thời phát hành Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe theo quy định tại Thông tư số 24/2023/TT-BCA nêu trên.

Do đó, nêu cơ quan công an cho phép đăng ký phương tiện đối với trường hợp xe đã chuyển quyền sở hữu qua nhiều tổ chức, cá nhân thì cơ quan thuế thực hiện thu lệ phí trước bạ theo quy định. Đối với những trường hợp tổ chức bán xe cho cá nhân nhưng không thực hiện việc xuất hóa đơn bán hàng cho khách hàng, Cục Thuế nơi chủ tài sản đăng ký quyền sở hữu, sử dụng có trách nhiệm chỉ đạo các Chi cục quản lý thuế các đối tượng bán xe (đối với trường hợp tổ chức bán xe và người mua nằm trên cùng địa bàn một tỉnh) hoặc có văn bản đề nghị Cơ quan thuế địa phương nơi có tổ chức bán xe (đối với trường hợp các tổ chức bán và người mua không nằm trên cùng địa bàn một tỉnh) thực hiện kiểm tra đối với các tổ chức bán xe, căn cứ vào sổ kế toán, chứng từ và hồ sơ của đơn vị đối chiếu với quy định của pháp luật thuế để tính và truy thu thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp; đồng thời yêu cầu tổ chức bán xe xuất hóa đơn cho người mua xe theo đúng quy định của pháp luật.

Cơ quan thuế địa phương nhận được yêu cầu xác minh tình trạng hoạt động của tổ chức bán xe có trách nhiệm trả lời Cơ quan thuế có yêu cầu xác minh trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu. Trường hợp Cơ quan thuế nơi có tổ chức bán xe ô tô xác định doanh nghiệp bỏ trốn, giải thể, phá sản, nay người sử dụng xe ô tô đăng ký quyền sở hữu, sử dụng xe nhưng trong hồ sơ không có hóa đơn mua hàng theo quy định thì việc cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn chứng từ.

Giải đáp chính sách thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Theo **Công văn số 1980/TCT-CS** ngày 10/5/2024 giải đáp chính sách thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

- Tại khoản 1, Điều 106 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 quy định: “Điều 106. Xử phạt đối với hành vi chậm nộp tiền thuế. Người nộp thuế có hành vi chậm nộp tiền thuế so với thời hạn quy định, thời hạn gia hạn nộp thuế thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế, thời hạn trong quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế thì phải nộp đủ tiền thuế và bị xử phạt 0,05% mỗi ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp. Người nộp thuế khai sai dẫn đến làm thiếu số tiền phải nộp hoặc không khai thuế nếu tự giác khắc phục hậu quả bằng cách nộp đủ số tiền thuế phải nộp trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện thì bị xử phạt chậm nộp thuế theo quy định tại Điều này, nhưng không bị xử phạt vi phạm thủ tục hành chính thuế, thiếu thuế, trốn thuế.”

- Tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế quy định: “Điều 18. Thời hạn nộp thuế đối với các khoản thu thuộc ngân sách nhà nước từ đất, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên

nước, tài nguyên khoáng sản, tiền sử dụng khu vực biên, lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài 1.
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

a) Thời hạn nộp thuế lần đầu: Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của cơ quan thuế. Từ năm thứ hai trở đi, người nộp thuế nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp một lần trong năm chậm nhất là ngày 31 tháng 10”.

Căn cứ những quy định nêu tại công văn, trường hợp tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư thì người được nhà nước cho thuê đất (người có quyền sử dụng đất) là người nộp thuế, trường hợp người có quyền sử dụng đất cho thuê đất theo hợp đồng thì người nộp thuế được xác định theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Trường hợp trong hợp đồng không có thỏa thuận về người nộp thuế thì người có quyền sử dụng đất là người nộp thuế. Trường hợp người nộp thuế là tổ chức thì tổ chức sẽ tự xác định số thuế phải nộp trong Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định khoản 2 Điều 17 Thông tư số 153/2011/TT-BTC và điểm d khoản 2 Điều 18 Thông tư số 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính. Thời hạn nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định tại đ2 khoản 2 Điều 18 Thông tư số 156/2013/TT- BTC của Bộ Tài chính và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Trường hợp người nộp thuế chậm nộp tiền thuế so với thời hạn quy định thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định pháp luật quản lý thuế từng thời kỳ.

VẤN ĐỀ KHÁC**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số**

Ngày 09/5/2024, Chính phủ đã ban hành **Nghị định 48/2024/NĐ-CP** sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số. Hồ sơ cấp chứng thư số của thuê bao

Cụ thể, hồ sơ cấp chứng thư số của thuê bao bao gồm những tài liệu như sau:

Đơn đề nghị cấp chứng thư số dạng bản giấy hoặc điện tử theo mẫu của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

Đối với những tài liệu kèm theo sẽ bao gồm:

- Trường hợp là cá nhân: Là một trong những giấy tờ như sau:

+ Thẻ CCCD

+ Thẻ căn cước.

+ Giấy chứng nhận căn cước

+ Hộ chiếu

+ Tài khoản định danh điện tử mức độ

- Trường hợp là tổ chức: Là một trong những giấy tờ như sau:

+ Quyết định thành lập.

+ Quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức.

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

+ Giấy chứng nhận đầu tư.

+ Thẻ CCCD/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật của tổ chức; hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử của tổ chức.

Bên cạnh đó, cá nhân hoặc tổ chức còn có quyền lựa chọn nộp bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc nộp bản sao trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc cung cấp dữ liệu điện tử để tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng sử dụng, khai thác theo quy định.

Trường hợp cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức cung cấp hoặc sử dụng thông tin trong thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc giấy chứng nhận căn 6 cước hoặc thông tin trong tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của cá nhân hoặc thông tin trong tài khoản định danh của tổ chức thì tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (đã có văn bản chấp thuận cho phép thực hiện kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử theo quy định pháp luật về định danh và xác thực điện tử hoặc có đầy đủ phương tiện đọc dữ liệu trong chip điện tử, dữ liệu trong tài khoản định danh điện tử mức độ 2) khai thác dữ liệu trong chip điện tử, dữ liệu của tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của cá nhân, tài

khoản định danh điện tử của tổ chức, không yêu cầu cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức nộp các hồ sơ, tài liệu theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định 130/2018/NĐ-CP. Theo đó, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng có trách nhiệm cung cấp các tiện ích hoặc ứng dụng để thực hiện phương thức tiếp nhận điện tử. Nghị định 48/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ 09/5/2024

Xác định Dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực sản xuất sản phẩm phần mềm

Theo **Công văn số 1741/TCT-CS** ngày 25/4/2024 về việc xác định Dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực sản xuất sản phẩm phần mềm Tại khoản 1 Điều 11 và khoản 1 Điều 12 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính quy định:

“Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT BTC như sau: “1. Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) áp dụng đối với:

... b) Thu nhập của doanh nghiệp là từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực:... sản xuất sản phẩm phần mềm;...”

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau: 1. Sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 1 Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau.

“1. Miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo đối với:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 11 Thông tư này).”

Tại Phụ lục số 01 - Danh mục sản phẩm phần mềm (Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BTTTT ngày 03/12/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử).

Tại khoản 21 Điều 4, khoản 1 Điều 9, Điều 11, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng về đối tượng, không chịu thuế, thuế suất 0%, thuế suất 10% và điều kiện khấu trừ, hoàn thuế đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Căn cứ các quy định pháp lý nêu trên:

- Về chính sách Thuế giá trị gia tăng (GTGT):

Hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Khoản 21 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC. Trường hợp Công ty sản xuất sản phẩm phần mềm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; cung ứng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan và tiêu dùng trong khu phi thuế quan theo quy định của pháp luật thì thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT là 0% nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 9 và khoản 2 Điều 16 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

- Về chính sách ưu đãi Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) được thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về Thuế (Luật Thuế TNDN số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013, 5 Nghị định số 12/2015/NĐ-

CP ngày 12/02/2015, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015).

Theo đó, Cục Thuế xác định và đối chiếu hoạt động của doanh nghiệp nếu thuộc dự án hoạt động sản xuất phần mềm và đáp ứng các điều kiện ưu đãi về thuế TNDN thì được hưởng ưu đãi theo điều kiện thực tế đáp ứng.

- Về xác định lĩnh vực sản xuất sản phẩm phần mềm được thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành (Thông tư số 13/2020/TT-BTTTT ngày 03/7/2020, Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08/4/2013, Thông tư số 20/2021/TT-BTTTT ngày 03/12/2021).

Trường hợp vướng mắc về xác định sản phẩm của Công ty có đáp ứng điều kiện phần mềm, sản xuất sản phẩm phần mềm hay không, Cục Thuế phối hợp với Công ty có văn bản đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến để có cơ sở áp dụng chính sách thuế

VĂN BẢN KHÁC

- ❖ Theo Công văn số 2203/TCT-CS ngày 24/05/2024 của TCT về việc chính sách thuế GTGT
- ❖ Theo Công văn số 2269/TCHQ-TXNK ngày 23/05/2024 của TCHQ về việc thủ tục hải quan, hoàn thuế NK
- ❖ Theo Công văn số 5258/BTC-TCT ngày 22/05/2024 của TCT về việc phối hợp chỉ đạo trong công tác quản lý thuế
- ❖ Theo Công văn 2122/TCT-DNL ngày 20/05/2024 của TCT về việc thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.